

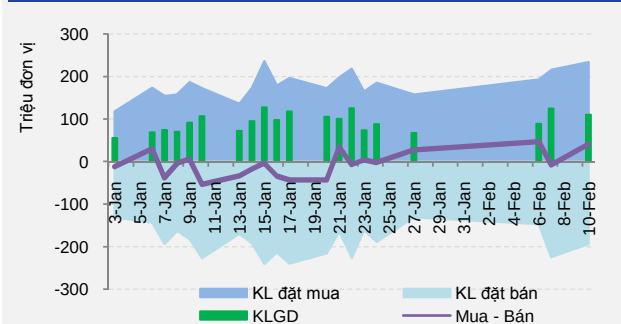
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 10/2/2014

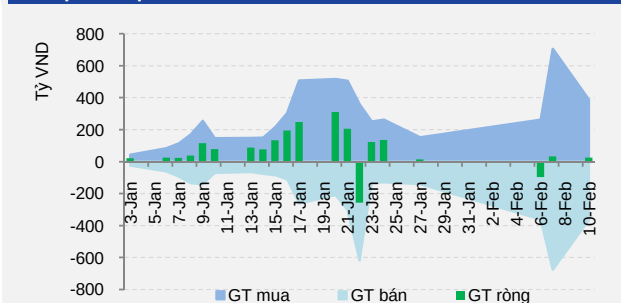
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	555.9	75.6
% Thay đổi	↑ 1.1%	↑ 1.0%
KLGD (CP)	110,186,930	69,435,994
GTGD (tỷ đồng)	1,940.83	534.73
Tổng cung (CP)	193,019,260	106,229,300
Tổng cầu (CP)	233,781,400	115,508,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	5,833,010	292,800
KL mua (CP)	6,142,800	850,791
GTmua (tỷ đồng)	387.41	13.25
GT bán (tỷ đồng)	362.75	5.25
GT ròng (tỷ đồng)	24.66	8.00

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 3.50%	8.3	1.9	2.9%
Công nghiệp	↑ 1.37%	299.5	1.2	20.2%
Dầu khí	↑ 2.01%	9.7	1.7	2.7%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.73%	15.5	2.0	1.5%
Dược phẩm và Y tế	↑ 2.74%	9.9	3.1	1.2%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.47%	13.1	5.0	20.3%
Ngân hàng	↑ 1.37%	13.9	1.3	8.2%
Nguyên vật liệu	↑ 0.66%	10.9	2.2	7.7%
Tài chính	↑ 2.03%	19.1	2.6	29.7%
Tiện ích Cộng đồng	↑ 0.13%	10.3	3.8	5.6%
VN - Index	↑ 1.12%	13.8	3.0	78.5%
HNX - Index	↑ 1.04%	18.8	1.6	21.5%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE

	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	2,076,580	2.8%	957,350	1.3%
GTGD (triệu VND)	42,909	3.5%	22,855	1.9%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Chỉ số Vn-Index hồi phục trở lại sau 3 phiên giảm điểm trong tuần trước. Mức đóng cửa phiên hôm nay là mức cao nhất trong ngày tuy nhiên vẫn chưa lấp đầy nền giảm điểm trong phiên cuối tuần trước do vậy thị trường cần thêm một phiên tăng điểm tích cực nữa để xóa tan nỗi lo ngại điều chỉnh. Theo chúng tôi thị trường đang dao động trong một kênh hẹp 545-560. Do vậy trong giai đoạn này nhà đầu tư nên theo sát thị trường nhằm có hành động phù hợp với diễn biến thị trường. Theo quan điểm kỹ thuật, chỉ số VN-Index vẫn đang trong xu hướng điều chỉnh, phản ứng với ngưỡng cản kỹ thuật 560 điểm (giao điểm của đường thẳng nối đỉnh của VN-Index trong 2 năm 2012-2013 và mức phục hồi 61.8% của đường Fibonacci Projection về từ xu hướng tăng giá cuối năm 2012). Ngưỡng hỗ trợ của VN-Index là đường MA12 và mốc thoát 38.2% của dải Fibonacci trong xu hướng tăng mạnh từ cuối năm 2013, tương đương khoảng 540-545 điểm.

Chỉ số HNX-Index tiếp tục đạt mức cao mới cho thấy xu thế tăng điểm trong ngắn và trung hạn vẫn tiếp tục và khá mạnh. Tuy nhiên, dòng tiền tại sàn HNX vẫn tập trung tại một nhóm cổ phiếu quen thuộc, độ rộng thị trường thấp có thể khiến chỉ số HNX-Index không phản ánh sát thị trường chung.

Diễn biến thị trường có thể vẫn cần tích lũy quan mốc hiện tại, đặc biệt các cổ phiếu Bluechip sẽ cần thêm thời gian củng cố trước khi có những bứt phá mới đầy hiệu ứng lan tỏa toàn thị trường. Ngoài ra thị trường tiếp tục chịu ảnh hưởng mạnh từ động thái của khối ngoại, sự phân hóa dòng tiền dự báo tiếp tục diễn ra. Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục, quan tâm đến nhóm cổ phiếu midcap và penny đã có thời gian điều chỉnh tích lũy và không chịu nhiều ảnh hưởng từ giao dịch của khối NĐTNN. Tuy nhiên tránh mua đuổi giá cao trong phiên.

- Chỉ số VN-Index tăng 6.14 điểm (1.12%), lên 555.9 điểm - Mức cao nhất trong phiên.

- Chỉ số HNX-Index tăng 0.78 điểm (1.04%), xuống 75.56 điểm - Mức cao nhất trong phiên.

- Theo Bộ KH-ĐT, trong tháng 1 năm 2014 tổng vốn đăng ký mới của các dự án FDI là 211 triệu USD và số vốn tăng thêm đạt 186 triệu USD, như vậy nếu so với cùng kỳ 2012 vốn đăng ký giảm gần 18% trong khi đó vốn tăng thêm lại tăng 7,6 lần. Vốn FDI giải ngân trong tháng đạt 465 triệu USD, tăng 3,3% so với cùng kỳ. Năm 2013, Việt Nam thu hút được tổng cộng 21,6 tỷ USD vốn FDI, tăng tới 54,5% so với 2012. Với việc môi trường vĩ mô đã được cải thiện (Fitch nâng dự báo triển vọng từ ổn định lên tích cực) và tiến trình đàm phán các hiệp định thương mại đang được đẩy nhanh, nguồn vốn FDI đang được kỳ vọng sẽ tiếp tục gia tăng trong năm 2014 qua đó đóng góp vào tăng trưởng chung của kinh tế Việt Nam.

VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Đi ngang	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Đi ngang	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index tăng điểm trở lại sau phiên giảm điểm cuối tuần trước. Chỉ số tăng 6.14 điểm (+1.12%) lên 555.9 là mức đóng cửa cao nhất trong phiên.
- KLGD phiên hôm nay tiếp tục giao dịch ở mức tích cực khi với trên 100 triệu cổ phiếu được giao dịch
- Chỉ số RSI hồi phục trở lại lên sát ngưỡng 70 điểm.

Nhận định: Chỉ số Vn-Index hồi phục trở lại sau 2 phiên giảm điểm trong tuần trước. Mức đóng cửa phiên hôm nay là mức cao nhất trong ngày tuy nhiên vẫn chưa lấp đầy nền giảm điểm trong phiên cuối tuần trước do vậy thị trường cần thêm một phiên tăng điểm tích cực nữa để xóa tan nỗi lo ngại điều chỉnh. Theo chúng tôi thị trường đang dao động quanh một kênh hẹp 545-560 điểm và hướng bứt ra khỏi kênh giá này sẽ quyết định hướng đi tiếp theo của thị trường. Do vậy trong giai đoạn này nhà đầu tư nên theo sát thị trường nhằm có hành động phù hợp với diễn biến thị trường.

HNX-INDEX

- HNX-Index tăng 0.78 điểm (+1.04%) so với phiên trước và đóng cửa ở mức cao nhất trong 2 năm trở lại đây.
- KLGD phiên hôm nay giảm nhẹ so với phiên trước nhưng vẫn ở mức khá cao với gần 70 triệu cổ phiếu giao dịch
- Chỉ số RSI tiếp tục duy trì ở trạng thái quá mua khi ở trên vùng 80 điểm.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tiếp tục đạt mức cao mới cho thấy xu thế tăng điểm trong ngắn và trung hạn vẫn tiếp tục và khá mạnh. Nhà đầu tư vẫn nên tiếp tục nắm giữ cổ phiếu trên sàn này.

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q4.2013 SO VỚI CÙNG KỲ

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	PXL	HOSE	2.8	-65.0%	10.01	19920.0%	24.57	-69.3%	-5.45	-2968.4%	-51.2%	0.24
2	PXI	HOSE	256.85	28.2%	17.97	5515.6%	683.2	-19.3%	15.03	78.5%	38.5%	3.10
3	KTB	HOSE	16.14	-11.9%	1.68	5500.0%	50.16	-35.9%	1.75	-95.7%	5.8%	2.38
4	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	19.09
5	VTO	HOSE	362.62	-12.3%	20.37	2163.3%	1564.15	-4.7%	43.81	-11.1%	605.9%	1.91
6	TC6	HNX	1187.01	-9.2%	97.17	1690.3%	4262.51	5.9%	59.07	34.3%	126.0%	4.67
7	DBC	HNX	1313.6	85.4%	92.93	811.0%	4704.28	-1.5%	191.15	-23.5%	91.6%	38.22
8	PXT	HOSE	69.76	-76.0%	0.77	670.0%	350.52	-47.2%	1.12	-76.1%	20.3%	0.71
9	PXS	HOSE	327.59	75.8%	27.21	604.9%	1009.34	-15.7%	76.39	13.3%	77.4%	11.13
10	SBA	HOSE	117.96	55.7%	56.9	519.2%	222.15	31.7%	66.56	256.3%	131.8%	0.01

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN 2013 SO 2012

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	CMI	HNX	29.66	446.2%	12.3	261.4%	52.88	63.8%	13.09	869.6%	55.7%	0.06
2	KLS	HNX	40.5	-12.9%	40.73	-35.5%	167.65	-30.6%	138.34	541.4%	34.2%	5.98
3	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	19.09
4	FIT	HNX	2.48	0.0%	16.09	0.0%	37.1	104.5%	34.1	291.5%	144.1%	0.06
5	SBA	HOSE	117.96	55.7%	56.9	519.2%	222.15	31.7%	66.56	256.3%	131.8%	0.01
6	PSI	HNX	33.2	28.9%	0.59	110.7%	150.64	19.7%	2.68	222.9%	133.3%	17.82
7	VNH	HOSE	20.84	42.1%	10.68	158.9%	84.75	-10.6%	9.38	197.3%	234.5%	2.27
8	NDN	HNX	22.88	-49.1%	2.42	-3.6%	132.33	-5.3%	19.17	165.1%	154.2%	0.09
9	ITQ	HNX	164.61	14.2%	0.15	107.2%	469.7	0.7%	2.66	153.3%	22.2%	-
10	NKG	HOSE	1495.16	93.4%	13.39	128.5%	4663.45	59.3%	55.57	152.9%	148.2%	0.01

TOP CỔ PHIẾU LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 2013 CAO NHẤT

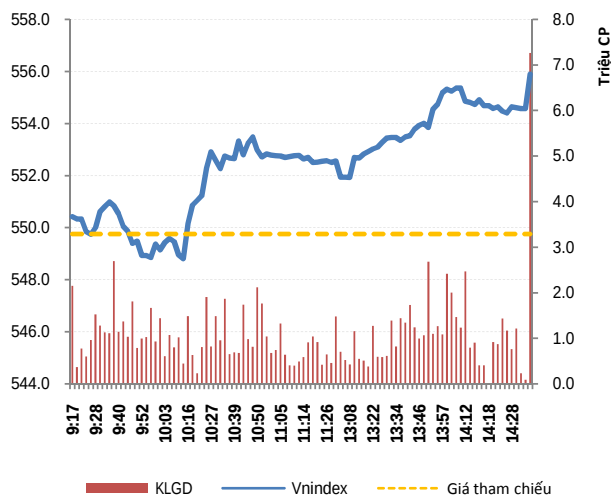
STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	VNM	HOSE	8174.03	15.9%	1470.04	-10.8%	30948.6	16.5%	6534.13	12.3%	104.9%	49.00
2	LAS	HNX	612.36	-25.0%	121.83	56.4%	4768.48	6.1%	447.23	13.5%	137.1%	11.76
3	DRC	HOSE	790.83	20.0%	96.05	1.3%	2798.95	0.5%	375.33	20.2%	120.0%	28.13
4	CSM	HOSE	801.19	5.1%	102.91	52.1%	3133.79	3.0%	360.64	42.1%	174.9%	12.81
5	HCM	HOSE	199.11	72.3%	101.85	165.9%	634.76	12.9%	282.17	14.5%	118.9%	49.00
6	SBT	HOSE	746.36	49.3%	107.64	-42.6%	2220.04	13.2%	239.01	-35.4%	87.3%	15.01
7	PGD	HOSE	1653.6	15.7%	6.29	-55.9%	6422.14	17.0%	209.1	-8.3%	161.5%	5.26
8	DBC	HNX	1313.6	85.4%	92.93	811.0%	4704.28	-1.5%	191.15	-23.5%	91.6%	38.22
9	PLC	HNX	1838.41	12.6%	38.31	-3.1%	6196.32	2.2%	189.22	12.1%	106.7%	2.97
10	PGS	HNX	2101.53	27.7%	27.89	-52.3%	6937.57	8.8%	178.45	18.0%	98.6%	23.00
11	KLS	HNX	40.5	-12.9%	40.73	-35.5%	167.65	-30.6%	138.34	541.4%	34.2%	5.98
12	VND	HNX	76.9	78.5%	6.78	-22.8%	262.62	9.0%	124.43	58.2%	164.3%	28.11

Ghi chú: Chỉ lọc những mã cổ phiếu có KLGD bình quân 30 phiên > 50.000. Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 07/02/2014



THỐNG KÊ GIAO DỊCH

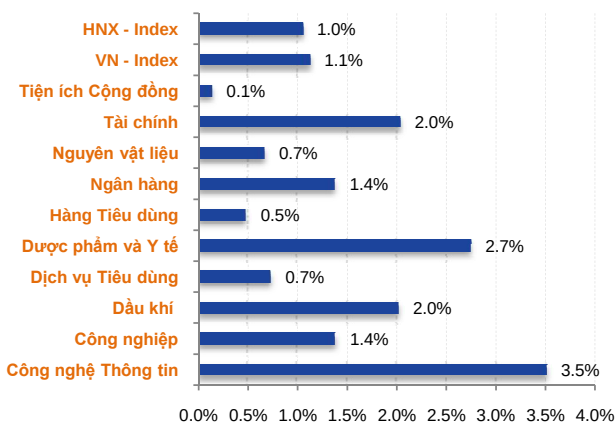
KLGD và VN-Index trong phiên



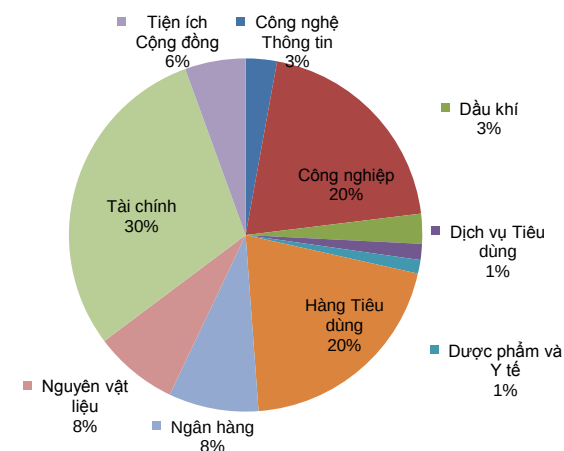
KLGD và HNX-Index trong phiên



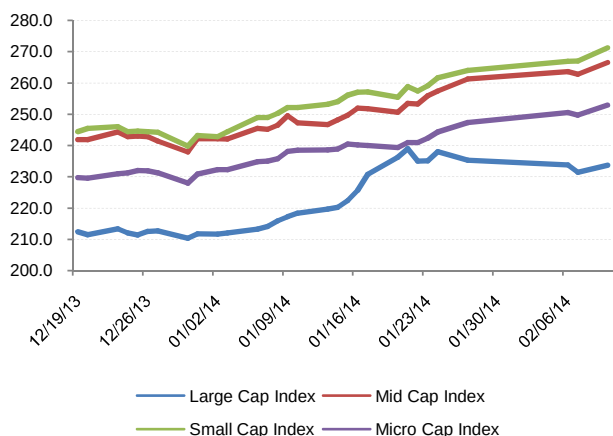
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



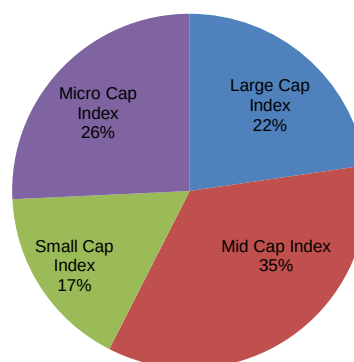
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
 Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	BID	819,450	TTF	740,010
2	HAG	325,710	ITA	497,000
3	PPC	292,900	KBC	205,000
4	STB	226,780	VIP	176,490
5	HPG	127,840	DPM	131,980

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHB	384,400	TC6	45,600
2	VCG	63,200	HPC	40,000
3	LAS	50,000	KLS	14,000
4	PVS	27,200	PVX	11,900
5	SNG	26,500	VCS	8,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	7.4	7.5	↑ 1.35%	6,818,620
HAG	22.8	24.3	↑ 6.58%	5,720,910
VHG	8.7	9.3	↑ 6.90%	4,469,390
SSI	22.8	23.8	↑ 4.39%	4,356,130
BID	16.6	17.0	↑ 2.41%	4,072,090

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVX	3.6	3.5	↓ -2.78%	12,982,672
PVR	3.3	3.6	↑ 9.09%	12,550,900
SHB	7.5	7.7	↑ 2.67%	8,457,347
SCR	7.7	7.9	↑ 2.60%	3,019,393
KLS	9.5	9.7	↑ 2.11%	2,736,840

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FCN	24.4	26.1	1.7	↑ 6.97%
BSI	5.8	6.2	0.4	↑ 6.90%
VHG	8.7	9.3	0.6	↑ 6.90%
IMP	51.0	54.5	3.5	↑ 6.86%
HBC	17.5	18.7	1.2	↑ 6.86%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ALT	11.0	12.1	1.1	↑ 10.00%
CJC	20.0	22.0	2.0	↑ 10.00%
DNC	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
QHD	10.0	11.0	1.0	↑ 10.00%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
C47	20.0	18.6	-1.4	↓ -7.00%
SFC	22.3	20.8	-1.5	↓ -6.73%
ASIAGF	9.0	8.4	-0.6	↓ -6.67%
SPM	28.5	26.6	-1.9	↓ -6.67%
GTA	12.3	11.5	-0.8	↓ -6.50%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ILC	5.0	4.5	-0.5	↓ -10.00%
SDN	24.0	21.6	-2.4	↓ -10.00%
NGC	12.2	11.0	-1.2	↓ -9.84%
AMC	32.8	29.6	-3.2	↓ -9.76%
SDG	20.7	19.0	-1.7	↓ -8.21%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	6,818,620	0.2%	25	294.2	0.7
HAG	5,720,910	5.9%	1,095	22.2	1.4
VHG	4,469,390	15.8%	1,635	5.7	0.5
SSI	4,356,130	9.9%	1,471	16.2	1.6
BID	4,072,090	15.4%	1,750	9.7	1.5

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVX	12,982,672	-92.1%	(5,013)	-	0.9
PVR	12,550,900	-3.2%	(330)	-	0.4
SHB	8,457,347	17.1%	1,884	4.1	0.7
SCR	3,019,393	-1.1%	(160)	-	0.5
KLS	2,736,840	5.5%	716	13.5	0.7

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
FCN	↑ 7.0%	23.8%	4,503	5.8	1.7
BSI	↑ 6.9%	2.2%	175	35.5	0.8
VHG	↑ 6.9%	15.8%	1,635	5.7	0.5
IMP	↑ 6.9%	8.9%	3,903	14.0	1.2
HBC	↑ 6.9%	14.9%	3,083	6.1	1.0

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
ALT	↑ 10.0%	-1.0%	(388)	-	0.3
CJC	↑ 10.0%	20.9%	5,866	3.8	0.8
DNC	↑ 10.0%	9.7%	1,147	7.7	0.7
QHD	↑ 10.0%	16.9%	2,136	5.1	0.8
VE4	↑ 10.0%	8.6%	1,229	7.2	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
BID	819,450	15.4%	1,750	9.7	1.5
HAG	325,710	5.9%	1,095	22.2	1.4
PPC	292,900	39.7%	6,105	4.3	1.6
STB	226,780	5.4%	703	29.6	1.6
HPG	127,840	18.6%	3,913	12.2	2.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	384,400	17.1%	1,884	4.1	0.7
VCG	63,200	3.4%	403	27.8	0.9
LAS	50,000	34.3%	5,746	8.1	2.6
PVS	27,200	17.3%	2,872	9.9	1.7
SNG	26,500	11.3%	3,801	5.0	0.5

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	144,020	40.9%	6,696	11.3	4.3
VNM	116,685	39.6%	7,839	17.9	6.7
VIC	69,124	47.1%	6,709	11.3	4.3
MSN	67,244	2.7%	552	165.7	5.1
VCB	65,583	9.8%	1,757	16.1	1.6

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,929	7.5%	1,027	15.8	1.2
PVS	12,731	17.3%	2,872	9.9	1.7
SQC	8,602	-1.5%	(188)	-	6.4
SHB	6,823	17.1%	1,884	4.1	0.7
OCH	5,520	5.9%	687	40.2	2.6

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
CLG	3.96	12.5%	1,402	6.6	0.8
HAR	2.86	3.3%	338	24.8	0.8
DRH	2.84	0.6%	62	48.3	0.3
DHC	2.62	12.8%	1,803	6.1	0.7
BVH	2.60	9.0%	1,618	28.6	2.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TTZ	10.16	-0.2%	(21)	-	0.5
GGG	4.71	256.0%	(6,685)	-	(0.5)
SHN	4.39	1.9%	52	80.8	1.5
V15	4.26	-30.9%	(3,026)	-	0.3
HHL	4.24	-67.9%	(1,016)	-	2.1



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)